

DI SẢN – NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN DU LỊCH VIỆT NAM*HERITAGES - RESOURCES FOR DEVELOPING VIETNAM TOURISM***PHAN HUY XU(*) và VÕ VĂN THÀNH(**)**

TÓM TẮT: Việt Nam là một đất nước có nhiều di sản, đặc biệt là di sản mang tầm cỡ thế giới đã được UNESCO công nhận dưới nhiều danh hiệu: di sản tự nhiên, di sản văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu, di sản hỗn hợp, di sản đa quốc gia. Di sản tại Việt Nam thực sự là một nguồn tài nguyên du lịch có giá trị độc đáo, đặc sắc, trong phát triển du lịch. Do đó, chúng ta cần nhận thức tiềm năng và phát huy giá trị của chúng trong du lịch. Bài viết nêu khái niệm, tiềm năng, hiện trạng cũng như một số giải pháp chính nhằm đưa nguồn lực di sản trong phát triển du lịch chất lượng và bền vững.

Từ khóa: di sản; di sản văn hóa thế giới; di sản văn hóa phi vật thể; du lịch di sản; phát huy giá trị di sản; quản lý di sản.

ABSTRACT: Vietnam is a country which has many heritages, especially world heritage sites recognized by UNESCO under many titles: natural heritage, cultural heritage, intangible cultural heritage, heritage document assets, mixed heritage, multinational heritage. Heritages in Vietnam are really tourism resources which have the special and unique values for developing tourism. Therefore, we need to be aware of their potential as well as promote their values in tourism. This article writes about the definition, potential, current status as well as some main solutions in order to bring the heritage resources to developing quality and sustainable tourism.

Key words: heritage; world cultural heritage; intangible cultural heritage; heritage tourism; promotion of heritage values; heritage management.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một đất nước tuy diện tích không lớn nhưng có điều kiện tự nhiên đa dạng, cảnh quan phong phú và kỳ vĩ, ẩn chứa những nét đẹp mang tầm cỡ thế giới. Thêm vào đó, Việt Nam có lịch sử trải dài mấy nghìn năm với 54 tộc người cùng cộng cư trên lãnh thổ đã nói lên tính đa dạng và phong phú của di sản văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam. Trên thế giới, có rất nhiều quốc gia tận dụng di sản để làm du lịch, chẳng hạn như, Anh, Pháp, Tây Ban Nha... Italia mỗi năm thu hút trên 50 triệu lượt khách quốc tế và chỉ riêng ngành du lịch đã đem lại nguồn thu gần 170 tỷ USD (xấp xỉ 85% tổng GDP của Việt Nam năm 2016) [4, tr.17-18]. Ở tầm châu

lục, Châu Âu có Liên minh các nhóm Bảo tồn di sản Châu Âu, định ra “Những ngày di sản Châu Âu” hằng năm vào tuần thứ ba của tháng 9 với các mục đích mở rộng khả năng tiếp cận di sản cho mọi đối tượng. Những ngày di sản Châu Âu (The European heritage days) là chuỗi các sự kiện văn hóa có sự tham gia rộng rãi được chia sẻ bởi người dân Châu Âu. Ở Việt Nam, di sản tự nhiên và văn hóa rất đa dạng và phong phú, thiết nghĩ, chúng ta cần khai thác và tận dụng ưu thế nguồn lực này để phát triển du lịch. Đó cũng là một nguyên tắc phát triển du lịch Việt Nam: “*Phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, tài nguyên thiên nhiên,...*” [1].

(*) PGS.TS.GVCC. Trường Đại học Văn Lang, xuphanhuy@gmail.com, Mã số: TCKH23-13-2020

(**) ThS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh, vonhanchi@gmail.com

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm

Theo Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa và Tự nhiên thế giới (Convention Concerning the Protection of the World Cultural and Natural heritage) của UNESCO, họp tại Paris từ 17-10 đến 21/11/1972, kỳ họp lần thứ 17, có quy định về Di sản văn hóa tại Điều 1 và Di sản tự nhiên tại Điều 2.

Điều 1: Di sản văn hóa là: “*Các công trình kiến trúc, tác phẩm điêu khắc và hội họa hoành tráng, các yếu tố hay cấu trúc có tính chất khảo cổ học, bi ký, hang cư trú và các đặc trưng kết hợp, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học;*

Quần thể các công trình xây dựng: Quần thể các công trình xây dựng tách biệt hay liên kết lại với nhau, do kiến trúc và tính đồng nhất hoặc vị trí của chúng trong cảnh quan, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học;

Các di chỉ: Các công trình do con người tạo nên hoặc có sự kết hợp giữa thiên nhiên và nhân tạo và các khu vực trong đó có các di chỉ khảo cổ có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, thẩm mỹ, dân tộc học hoặc nhân chủng học” [6, tr.17].

Điều 2: Di sản tự nhiên là: “*Các di tích tự nhiên được tạo thành bởi những cấu trúc hình thể và sinh vật học hoặc bởi các nhóm cấu trúc như vậy, có một giá trị đặc biệt về phương diện thẩm mỹ hoặc khoa học.*

Các cấu trúc địa chất học và địa lý tự nhiên và các khu vực có ranh giới đã được xác định là nơi cư trú của các giống động vật và thực vật có nguy cơ bị tiêu diệt, có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện khoa học bảo tồn.

Các cảnh vật tự nhiên hoặc các khu vực tự nhiên có ranh giới đã được xác định cụ thể, có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện khoa học, bảo tồn hoặc vẻ đẹp thiên nhiên” [6, tr.17-18].

Theo Đặng Văn Bài: “*Di sản là sản phẩm sáng tạo của con người với tư cách là những bằng chứng thuyết phục về năng lực sáng tạo của con người và của cả quốc gia dân tộc. Chỉ những sản*

phẩm sáng tạo nào được lưu truyền - chọn lọc - tích hợp - “trung cất” qua nhiều đời, hàm chứa các giá trị nhân văn sâu sắc (lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ...) mới được chấp nhận và tôn vinh là di sản văn hóa. Về bản chất, di sản văn hóa là sự tích hợp một hệ thống các giá trị mà không chỉ là những giá trị đơn lẻ, tách biệt” [3, tr.10].

Chiến lược EU 2020 có cách nhìn về di sản hiện nay: “*Di sản được coi là khái niệm phức hợp, liên tục phát triển qua thời gian và kết hợp không chỉ những chiều kích lịch sử, văn hóa, thẩm mỹ, biểu trưng, tinh thần mà cả kinh tế, xã hội và chính trị”* [4, tr.16-17]. Như vậy, phải có cái nhìn mở rộng về di sản như Chiến lược EU 2020 mới có thể bao quát được toàn bộ di sản ở tầm quốc gia hay châu lục. Trên cơ sở đó, chúng tôi nhận thấy các khái niệm trên hoàn toàn chính xác. Đây là nền tảng lý luận để triển khai các hoạt động bảo vệ và phát huy các giá trị di sản trên thế giới và Việt Nam.

2.2. Tiềm năng về di sản của Việt Nam

Theo tiêu chí của UNESCO, Việt Nam hiện có các loại hình di sản: Di sản văn hóa; Di sản văn hóa phi vật thể; Di sản thiên nhiên, Di sản tư liệu, Di sản đa quốc gia và Di sản hỗn hợp. Ở Việt Nam, tiềm năng di sản tự nhiên và văn hóa rất phong phú và đa dạng. Giá trị của di sản Việt Nam đã lan tỏa sâu rộng và mạnh mẽ đối với nước ta và thế giới. Tính đến tháng 07 - 2020, UNESCO đã công nhận 31 di sản ở Việt Nam là Di sản thế giới dưới nhiều danh hiệu:

Di sản tự nhiên thế giới: 1) Vịnh Hạ Long (1994, 2000); 2) Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (2003; 2015); 3) Công viên địa chất Toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn (2010); 4) Công viên địa chất Toàn cầu Non nước Cao Bằng (2018); 5) Công viên địa chất Toàn cầu Đắk Nông (2020), trong đó, có 2 di sản được UNESCO công nhận 2 lần.

Di sản văn hóa thế giới: 1) Quần thể di tích cố đô Huế (1993); 2) Đô thị Hội An (1999); 3) Thánh địa Mỹ Sơn (1999); 4) Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội (2010); 5) Thành nhà Hồ (2011).

Di sản văn hóa phi vật thể thế giới: 1) Nhã nhạc cung đình Huế (2003); 2) Không gian văn hóa công điền Tây Nguyên (2005); 3) Dân ca Quan họ (2009); 4) Nghệ thuật Ca Trù (2009); 5) Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc (2010); 6) Hát Xoan ở Phú Thọ (2011); 7) Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương (2012); 8) Nghệ thuật đờn ca tài tử Nam Bộ (2013); 9) Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh (2014); 10) Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt (2016); 11) Nghệ thuật Bài chòi miền Trung Việt Nam (2017); 12) Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam (2019).

Di sản tư liệu thế giới: 1) Mộc bản triều Nguyễn (2009); 2) Bia đá các khoa thi tiến sĩ triều Lê và Mạc (2010); 3) Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm, Bắc Giang (2012); 4) Châu bản Triều Nguyễn (2014); 5) Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế (2016); 6) Mộc bản trường học Phúc Giang, Hà Tĩnh (2016); 7) Hoàng hoa sứ trình đồ (2019).

Di sản hỗn hợp thế giới: Quần thể danh thắng Tràng An (2014).

Di sản văn hóa đa quốc gia: Nghi lễ và trò chơi kéo co (2015).

Hiện nay, cả nước có trên 40.000 di tích các loại được kiểm kê, trong đó có gần 10.000 di tích cấp tỉnh - thành phố, có đến 3.463 di tích quốc gia được phân loại thành: Di tích khảo cổ, di tích lịch sử, di tích kiến trúc - nghệ thuật, di tích thắng cảnh. Theo số liệu tổng hợp của chúng tôi thống kê đến hết năm 2019, hiện nay Chính phủ đã công nhận 114 di tích quốc gia đặc biệt. Sau 8 đợt công nhận, Việt Nam có 191 hiện vật/nhóm hiện vật được công nhận là bảo vật quốc gia. Hơn thế nữa, Việt Nam có trên 8.000 lễ hội của 54 tộc người và hàng ngàn nghề truyền thống trên khắp cả nước. Tất cả di sản tự nhiên và văn hóa đó là tài sản vô giá của dân tộc Việt Nam và nhân loại góp phần phát triển du lịch Việt Nam hướng đến chất lượng và bền vững. Trong hội thảo khoa học ở tỉnh Quảng Ninh, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã đề nghị ngành Du lịch phải “*phát huy giá trị của di sản thế giới nói chung, di sản quốc gia và di sản quốc gia đặc biệt ở nước ta nói riêng*” [13].

2.3. Hiện trạng về sử dụng và quản lý các loại hình di sản ở Việt Nam

Di sản, đặc biệt là di sản văn hóa và phát triển du lịch có mối liên hệ tương tác, gắn bó hữu cơ: Di sản văn hóa là nguồn vốn, là cơ sở để du lịch khai thác, làm giàu; Du lịch, đến lượt mình sẽ có tác dụng quảng bá, tôn lên các giá trị văn hóa của di sản, góp phần giữ gìn và phát huy di sản. Di sản thế giới tại nước ta có đặc điểm kỳ vĩ, hoành tráng, có sức hấp dẫn lớn, nổi tiếng trên thế giới, cho nên số lượng du khách quốc tế và nội địa đến tham quan không ngừng tăng.

Năm 2019, lượng khách du lịch tham quan 8 di sản thế giới tại Việt Nam tăng nhiều so với năm 2018. Trong đó, *Quần thể danh thắng Tràng An* đạt 6,327,488 lượt khách; *Phố cổ Hội An* đón 5,35 triệu lượt khách; *Vịnh Hạ Long* đón 4,4 triệu lượt khách; *Quần thể di tích cổ đô Huế* đón 3,328,424 lượt khách; *Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng* đón 921 nghìn lượt khách; *Khu di tích Trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội* đón 461,715 lượt khách; *Thành địa Mỹ Sơn* đón 419 nghìn lượt khách; *Thành nhà Hồ* đón 126 nghìn lượt khách. Chính vì vậy, tại buổi lễ trao giải World Travel Awards (WTA) năm 2019, diễn ra tại Oman, lần đầu tiên Việt Nam được WTA vinh danh ở hạng mục “*Điểm đến di sản hàng đầu thế giới*” [11].

Di sản quốc gia và địa phương cũng thu hút du khách nội địa đã đem lại nguồn thu cho địa phương và cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, di sản nước ta đã và đang gặp nhiều thách thức. Khí hậu nhiệt đới, ẩm, gió mùa, với hơn 10 cơn bão đổ bộ hằng năm và đặc biệt hiện tượng biến đổi khí hậu hiện nay đã hủy hoại nhiều di tích. Đất nước trải qua nhiều cuộc chiến tranh, tàn phá nhiều di sản văn hóa vật thể. Ý thức giữ gìn và bảo vệ di sản của một số người có trách nhiệm, một bộ phận người dân và du khách còn thấp kém đã làm cho các di sản vật thể và phi vật thể của nước ta bị xâm hại. Nhiều di tích bị vẽ và viết bậy. Một số đền chùa bị mất cổ vật. Nhiều hành vi lợi dụng tín ngưỡng để lừa đảo người

dân và du khách. Nhiều lễ hội bị thương mại hóa và hạ thấp tính giáo dục. Đô thị hóa ở một số tỉnh, thành đã ảnh hưởng đến di sản vật thể. Một số viện bảo tàng ở địa phương còn vắng khách. Một số nghề truyền thống đã mai một và làng nghề bị ô nhiễm. Một số di sản thế giới đã được UNESCO nhắc nhở cần giữ gìn và bảo vệ di sản tốt hơn nữa. Bà Dương Bích Hạnh, đại diện văn phòng UNESCO tại Việt Nam nhận xét: *“Đầu tiên, một số di sản văn hóa bị khai thác quá mức và có cơ chế yếu để bảo vệ và bảo tồn các di sản này, kết quả là phát triển kinh tế có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến cả di sản truyền thống và di sản tâm linh”* [7, tr.10].

2.3.1. Di sản là nguồn lực tinh thần và tình cảm

Di sản nói chung, di sản văn hóa nói riêng phản ánh sức sống mãnh liệt, kết tinh phẩm chất trí tuệ qua hàng ngàn năm văn hiến của nhân dân ta. Di sản đã xây dựng lòng yêu nước, ý chí chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc, tinh thần độc lập dân tộc, truyền thống, đoàn kết, lao động sáng tạo, sống đạo lý nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam được du khách trong nước và quốc tế cảm nhận sâu sắc qua những chuyến du lịch trên đất nước ta. Di sản có chức năng giáo dục “chân, thiện, mỹ” cho con người. Di sản xây dựng và phát triển đời sống tinh thần và tình cảm trong mỗi cá nhân. Di sản văn hóa là một bộ phận của nền tảng tinh thần xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển xã hội. Di sản tạo cho dân tộc ta sức mạnh mềm để chiến đấu và chiến thắng ngoại xâm, thiên tai, dịch bệnh. Di sản là sợi dây giao lưu văn hóa nhân loại. Du khách là chủ thể thụ hưởng và thưởng lãm các giá trị di sản. Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã nhấn mạnh: *“Cần ý thức sâu sắc ý nghĩa, sứ mệnh các giá trị chiến lược của di sản trong việc vun đắp bản sắc dân tộc, nuôi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, khối đại đoàn kết, sức mạnh mềm của Việt Nam trên toàn cầu cũng như chính nghĩa của chúng ta trước công luận quốc tế”* [9].

2.3.2. Di sản là nguồn lực vật chất và kinh tế

Theo Hiệp hội liên minh châu Âu về bảo tồn Di sản văn hóa (Europa Nostra) đưa ra một số

tiêu chí nhằm lượng hóa các giá trị kinh tế trong di sản văn hóa: 1) Tạo công ăn việc làm cho các hộ gia đình nơi có di sản qua phát triển du lịch; 2) Khả năng di sản tạo ra giá trị giải trí cho cộng đồng; 3) Giá trị tạo ra từ du lịch; 4) Tạo giá trị gia tăng từ bất động sản; 5) Thúc đẩy và mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ [3, tr.11].

Trên thế giới, người ta đã xác định rõ mục tiêu bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững là: Ngành di sản phải có giải pháp bảo tồn phù hợp để biến di sản văn hóa thành tài sản, theo nghĩa không bỏ qua yếu tố kinh tế trong di sản. Tức là, di sản cần được hợp tác với ngành du lịch để tạo ra những loại hình du lịch di sản, biến di sản thành sản phẩm du lịch hấp dẫn - loại hàng hóa đặc thù có sắc thái văn hóa địa phương. Đó là yếu tố kinh tế của di sản, đặc biệt là các di sản thế giới được UNESCO công nhận. Di sản là tài sản đẳng cấp cao nhất của nhân loại mà mọi người đều có quyền tiếp cận qua thăm viếng, du lịch, nghiên cứu... Di sản là nguồn lực vật chất to lớn được gia tăng giá trị thông qua hoạt động du lịch. Du lịch có chức năng giới thiệu, quảng bá di sản để thu hút du khách trong nước và quốc tế. Đặc biệt, du lịch có chức năng kép: văn hóa và kinh tế. Theo Nguyễn Thị Hoa Xinh: *“Du lịch là một hoạt động văn hóa thông qua các tour nghỉ ngơi, trải nghiệm, tiêu dùng các sản phẩm du lịch để đem đến cho du khách nguồn tri thức về tự nhiên và xã hội loài người, tạo ra nguồn cảm hứng sống, cảm xúc thẩm mỹ, giảm căng thẳng, từ đó cảm nhận về giá trị cuộc sống con người. Bên cạnh đó, du lịch còn là một hoạt động kinh tế”* [8, tr.24].

Quan điểm hiện đại coi di sản là “vốn văn hóa”. Theo Bourdieu, “vốn văn hóa” là hệ thống các thành tố văn hóa có thể luân chuyển và tạo ra những giá trị trao đổi trong quá trình phát triển, là hình thức “tư bản hóa”. Theo Đặng Văn Bài (2018): *“Chúng ta phải thay đổi quan điểm tiếp cận, di sản không chỉ từ góc nhìn giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, mà còn phải quan tâm tới khía cạnh kinh tế học*

trong di sản văn hóa” và “có thể nói, di sản văn hóa là tài sản vô giá về mặt tinh thần nhưng đồng thời cũng là khối tài sản vật chất đồ sộ chứa đựng trong nó nguồn tài lực, vật chất, nhân lực mang hàm lượng trí tuệ cao” [3, tr.10]. Như vậy, cái nhìn về di sản phổ rộng của Đặng Văn Bài có nét tương đồng với Chiến lược EU 2020 mà chúng tôi đã đề cập ở trên.

Cụ thể, theo Lưu Trần Tiêu: chỉ riêng 8 di sản thế giới của Việt Nam năm 2017 đã thu hút 16 triệu khách trong và ngoài nước. Đa số các khu di sản văn hóa đều tăng khoảng 14% - 22% số lượt khách so năm 2016 và thu phí tham quan được 2.500 tỷ đồng. Có những di tích phạm vi không lớn ở Hà Nội như di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám năm 2017 thu phí tham quan đạt 46 tỷ đồng, đền Ngọc Sơn 27 tỷ đồng, di tích Nhà tù Hỏa Lò thu 9,8 tỷ đồng” [3, tr.12]. Tỉnh Quảng Ninh riêng việc “chèu ðò thu tiền tỷ trên Vịnh Hạ Long...”, “chưa kể phí qua cảng và phí tham quan, các dịch vụ như: ðò chèu tay, thuyền kayak, xuồng cao tốc... riêng Hang Luồn do công ty Nam Tùng ðầu thâu có mức giá khởi ðiểm là 25 tỷ ðồng mỗi năm”, “các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trên vịnh Hạ Long thu về hàng trăm tỷ mỗi năm...” [10]. Như trên ðã nêu, năm 2019, 8 di sản thế giới tại Việt Nam ðã thu hút số lượng du khách tăng lên gần 20 triệu lượt. Như vậy, nguồn thu của các ðịa phương và ngành du lịch rất lớn và có ý nghĩa về mặt kinh tế. Rõ ràng, di sản tự nhiên và văn hóa nước ta là nguồn lực vật chất to lớn, là nguồn doanh thu ðồi ðào của du lịch. Di sản là tài nguyên du lịch ðộc ðáo, phong phú và quan trọng của du lịch. ðúng như ðiều 3, Khoản 4, Luật Du lịch (sửa ðổi năm 2017) ðã ghi: “Tài nguyên du lịch là cảnh quan tự nhiên, yếu tố tự nhiên và các giá trị văn hóa làm cơ sở ðể hình thành sản phẩm du lịch, khu du lịch, ðiểm du lịch nhằm ðáp ứng nhu cầu du lịch. Tài nguyên du lịch bao gồm tài nguyên tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa” [1].

Di sản nước ta phong phú và ða dạng so với một số quốc gia trên thế giới nhưng việc

bảo tồn và phát huy giá trị di sản còn nhiều bất cập. Ngành du lịch cũng chưa khai thác tương xứng với tiềm năng di sản. Nguyên nhân sâu xa là một bộ phận người dân và người làm dịch vụ du lịch chưa có nhận thức ðúng về mối quan hệ biện chứng giữa di sản và du lịch. Cần quan niệm ðúng là di sản và du lịch có mối quan hệ gắn bó hữu cơ và tác ðộng tương hỗ với nhau. Di sản là tài nguyên quan trọng ðể phát triển du lịch và ngược lại du lịch tạo vật chất kinh tế ðể bảo tồn, phát huy giá trị di sản. Du lịch là công cụ hữu hiệu ðể quảng bá di sản và còn tạo ra kinh tế ðể cộng ðồng thụ hưởng.

Năm 2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế ðã kiến nghị lên Chủ tịch Quốc hội xem xét công nhận tỉnh này là *Đô thị di sản ðặc thù*. Năm 2020, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm ðồng xây dựng ðề án *Bảo tồn kiến trúc cảnh quan thành phố Đà Lạt*. Đô thị di sản là những trung tâm du lịch ðặc sắc, thu hút nhiều du khách quốc tế và khách nội ðịa trong những năm sắp tới.

Khi bàn về mối quan hệ giữa di sản văn hóa và du lịch, bà Dương Bích Hạnh ðã nói: “*Di sản văn hóa là yếu tố quan trọng ðể thúc ðẩy du lịch. Ngược lại du lịch góp phần phục hồi, bảo tồn di sản, ðem lại lợi ích kinh tế và tăng cường ðối thoại, trao ðổi giữa các nền văn hóa*” [12]. Theo nhóm tác giả Nguyễn Văn Kim: “*Di sản văn hóa là linh hồn của các ðiểm du lịch, làm tăng lên nhiều lần giá trị của ðiểm ðến. Ngược lại, nếu không có du lịch phát huy các giá trị, giới thiệu di sản, biến thành những sản phẩm du lịch ðể du khách tiếp cận thì di sản văn hóa sẽ thiếu ði sức sống, không có cơ hội ðể phát lộ các giá trị và thậm chí trở thành gánh nặng chi phí trong việc bảo tồn, tôn tạo các di sản văn hóa. Nói rõ hơn, sự phát triển của du lịch không thể tách rời di sản văn hóa và du lịch văn hóa chính là cầu nối ðể di sản ðến với du khách trong và ngoài nước*” [5, tr.327].

Vì vậy, trong “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam ðến năm 2020, tầm nhìn ðến năm 2030 phát triển du lịch bền vững gắn chặt với bảo tồn và

phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội; đảm bảo hài hòa tương tác giữa khai thác phát triển du lịch với bảo vệ giá trị tài nguyên tự nhiên và nhân văn...” [2].

2.4. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tác động của di sản đối với ngành du lịch hiện nay

Chúng tôi luôn trăn trở làm sao đưa giá trị đích thực của các di sản văn hóa đến tay du khách để họ thực sự cảm nhận, trải nghiệm đây là những kiệt tác văn hóa của nhân loại hiện hữu trên đất nước Việt Nam được sáng tạo ra bởi các dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. Điều này rất phù hợp với *Hiến chương Quốc tế về Du lịch Văn hóa* đã nêu ở nguyên tắc số 3: “*Các chương trình bảo tồn và du lịch cần giới thiệu những thông tin chất lượng cao để làm du khách hiểu tối đa những đặc điểm quan trọng của di sản và sự cần thiết phải bảo vệ chúng, để làm cho du khách thích thú địa điểm một cách thích đáng*” [6, tr.129]. Như vậy, cần làm cho khách hiểu tối đa những đặc điểm quan trọng của di sản văn hóa và sự cần thiết bảo vệ chúng để chính bản thân các di sản văn hóa có thể được bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị vốn có của nó mới là điều quan trọng nhất.

Để di sản thực sự trở thành nguồn lực du lịch, chúng ta cần thực hiện các giải pháp đồng bộ và quyết liệt sau đây:

1) Cần nắm vững và thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đảng về di sản và du lịch. Thực hiện nghiêm túc Luật Di sản và Luật Du lịch của nước ta;

2) Ra sức thực hiện “*Chiến lược phát triển văn hóa*” và “*Chiến lược phát triển du lịch năm 2020, tầm nhìn đến 2030*”, kết hợp hài hòa việc bảo tồn và phát huy di sản với các hoạt động phát triển kinh tế, phát triển du lịch;

3) Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng trong việc xây dựng xã hội hóa hoạt động du lịch di sản, du lịch văn hóa và du lịch cộng đồng;

4) Giải quyết tốt mối quan hệ giữa điểm đến di sản và du lịch. Vì mối quan hệ này có tính

động, dễ xung đột với nhau. Đặc biệt, cần nâng cao vai trò quản lý địa phương để xây dựng các điểm đến hấp dẫn, văn hóa, an toàn và thân thiện;

5) Công ty lữ hành và ban quản lý di sản cần hợp tác chặt chẽ để nâng cao tính độc đáo, đặc sắc, hấp dẫn, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc về sản phẩm và dịch vụ du lịch để thu hút du khách trong nước và quốc tế;

6) Cần thiết có sự hợp tác giữa các nhà đầu tư, nhà khoa học, công ty dịch vụ du lịch và cộng đồng dân cư địa phương để có chiến lược bảo tồn và phát huy di sản, tạo ra các sản phẩm du lịch đặc thù và chất lượng;

7) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ loại hình du lịch di sản có kiến thức, kỹ năng chuyên ngành để phục vụ du khách được hài lòng;

8) Ứng dụng công nghệ thông tin để chủ động sáng tạo trong quản lý, xúc tiến quảng bá và kích cầu du lịch di sản;

9) Kêu gọi các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước tham gia quy hoạch điểm đến di sản;

10) Đẩy mạnh việc kết nối các điểm du lịch di sản để kéo dài thời gian trải nghiệm của du khách.

3. KẾT LUẬN

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã nói: “*Tất cả những địa danh, di sản Việt Nam trong đó có Hội An và đền tháp Mỹ Sơn cần đẩy mạnh thu hút đầu tư trong và ngoài nước nhằm phát triển sản phẩm du lịch, mô hình dịch vụ một cách đa dạng, bền vững, phù hợp với bản sắc văn hóa, đảm bảo hài hòa về kinh tế xã hội và môi trường*” [9]. Tiềm năng di sản của nước ta rất to lớn. Tuy nhiên, việc bảo tồn và phát huy di sản còn nhiều bất cập, mối quan hệ giữa di sản và du lịch chưa chặt chẽ và hài hòa, di sản chưa trở thành nguồn lực và tài nguyên của du lịch, du lịch chưa khai thác tương xứng với tiềm năng và lợi thế của di sản.

Hiện nay, ngành du lịch nước ta đang thực hiện mục tiêu kép “*vừa phòng thủ đại dịch, vừa tiến công vào phát triển du lịch*”. Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi đề ra các giải pháp trên để chúng ta thực hiện đồng bộ và quyết liệt, nhưng

quan trọng nhất và cơ bản nhất là cần nâng cao nhận thức về mối quan hệ gắn bó hữu cơ, tác động qua lại giữa di sản và du lịch. Di sản phải là động lực, nguồn lực và tài nguyên quan trọng của du lịch, còn du lịch phải phát huy giá trị của di sản và tạo nguồn kinh tế cho cộng đồng để

bảo tồn di sản. Ngành du lịch Việt Nam cần phấn đấu phục hồi du lịch sau đại dịch COVID-19 và quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển du lịch năm 2020, nâng cao tỷ trọng loại hình du lịch văn hóa - di sản trong cơ cấu giá trị ngành du lịch nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quốc hội (2017), *Luật Du lịch số 09/2017/QH14*, Hà Nội.
- [2] Chính phủ (2011), *Quyết định số 2473/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, Hà Nội.
- [3] Đặng Văn Bài (2018), *Bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Phát triển du lịch di sản văn hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*.
- [4] Lâm Thị Mỹ Dung, Chu Lâm Anh và Nguyễn Anh Thư (2018), *Tài nguyên di sản văn hóa trong bối cảnh đương đại (thách thức, khó khăn trong bảo tồn và phát huy giá trị)*, in trong *Hội nhập quốc tế về bảo tồn - Cơ hội và thách thức cho các giá trị di sản văn hóa*, Hồ Chí Minh.
- [5] Nguyễn Văn Kim (2016), *Tiếp biến và hội nhập văn hóa ở Việt Nam*, Đại học Quốc gia.
- [6] Arthur Pederson (2002), *Tài liệu hướng dẫn về di sản thế giới* (bản dịch tiếng Việt của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam).
- [7] Viện nghiên cứu phát triển du lịch (2013), *Kỷ yếu Hội nghị Quốc tế Du lịch tâm linh vì sự phát triển bền vững*, Ninh Bình.
- [8] Nguyễn Thị Hoa Xinh (2018), *Mối quan hệ giữa du lịch và di sản văn hóa - Từ lý luận đến thực tiễn*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Phát triển du lịch di sản văn hóa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*.
- [9] Hoàng Anh (2020), *Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc: Ý thức sâu sắc ý nghĩa của di sản để xây dựng sức mạnh mềm Việt Nam*, <https://baodautu.vn/thu-tuong-nguyen-xuan-phuc-y-thuc-sau-sac-y-nghia-cua-di-san-de-xay-dung-suc-manh-mem-viet-nam-d106865.html>, truy cập ngày: 28-6-2020.
- [10] Hoàng Dương (2019), *Chèo đồ thu tiền tỷ trên vịnh Hạ Long: Doanh nghiệp trục lợi tiền thuê?*, <https://www.tienphong.vn/xa-hoi/cheo-do-thu-tien-ty-tren-ving-ha-long-doanh-nghiep-truc-loi-tien-thue-1413497.tpo>, truy cập ngày: 20-8-2020.
- [11] Kiều Dương (2019), *Việt Nam là điểm đến hàng đầu di sản thế giới*, <https://vnexpress.net/viet-nam-la-diem-den-di-san-hang-dau-the-gioi-4019774.html>, truy cập ngày 10-4-2020.
- [12] Thủy Mai (2015), *Phát triển hài hòa giữa du lịch và di sản văn hóa*, <https://baotintuc.vn/du-lich/phan-tien-hai-hoa-giua-du-lich-va-di-san-van-hoa-20150428231304995.htm>, truy cập ngày 14-4-2020.
- [13] Phạm Phong và Vũ Mền (2015), *Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam chia sẻ khó khăn của ngành than Quảng Ninh*, <http://vov.vn/chinh-tri/pho-thu-tuong-vu-duc-dam-chia-se-kho-khan-cua-nganh-than-quang-ninh-424690.vov>, ngày truy cập: 10-9-2018.

Ngày nhận bài: 24-7-2020. Ngày biên tập xong: 25-8-2020. Duyệt đăng: 24-9-2020